TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 228/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 21 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – GIA LAI

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 390/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2026 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*", giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Gia Lai.
- Ông **Trần Văn H1**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị Thu H đều thừa nhận hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông H1 và bà H thật sự tự nguyện ly hôn.

2. Ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị Thu H thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ chung.

3. Sự thoả thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của bà Nguyễn Thị Thu H và con chung chưa thành niên là Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 24/10/2009 và Trần Bảo N1, sinh ngày 20/9/2012.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị Thu H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị Thu H có 03 (*ba*) con chung là Trần Kỷ P, sinh ngày 04/3/2008, Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 24/10/2009 và Trần Bảo N1, sinh ngày 20/9/2012. Con chung Trần Kỷ P đã trưởng thành, tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị Thu H thỏa thuận giao 02 (*hai*) con chung là Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 24/10/2009 và Trần Bảo N1, sinh ngày 20/9/2012 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị Thu H thoả thuận, bà H và ông H1 mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình, được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0002007 ngày 10 tháng 9 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Văn Quảng